

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 162/2021/DS-PT

Ngày: 27-9 -2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuận, ông Vũ Văn Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2021/TLPT-DS, ngày 17 tháng 8 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 191/2021/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 146/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2021. Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2021/QĐ-PT ngày 17/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1969

Địa chỉ: Hẻm 02 đường HV, TDP 4, thị trấn BT, huyện K A, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tăng B, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 109 đường NTT, thị trấn BT, huyện K A, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Bị đơn: Ông Y B, sinh năm 1999 và bà H'C Byă, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Buôn D, xã BA, huyện K A, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H'C Byă là ông Phạm Công G, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 79 đường A, phường TL, Tp. BMT, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Ông Y B có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị A, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Nguyễn Tăng B trình bày:

Bà Đỗ Thị A có quan hệ quen biết với bị đơn bà H'C Byă, vào ngày 19/4/2020 bà A cho bà H'C Byă và ông Y B vay số tiền 570.000.000đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng). Bà H'C Byă và ông Y B có ký xác nhận vào nội dung vay tiền. Quá trình vay tiền, chỉ có một mình bà A và bà H'C Byă, ông Y B xác lập, giao nhận tiền, chị H'T Byă là con gái của bà H'C có chứng kiến, có ký vào giấy vay, nhưng không vay tiền của bà A. Ngoài khoản vay nói trên thì bà H'C Byă và ông Y B không còn nợ bà A khoản tiền nào khác.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà H'C Byă và ông Y B phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 570.000.000đồng và tiền lãi suất 10%/ năm từ ngày vay cho đến ngày xét xử là 14 tháng 19 ngày = 69.230.000đ.

Bị đơn bà H'C Byă, người đại diện theo ủy quyền cho bà H'C Byă là ông Phạm Công G trình bày: Phía bị đơn xác định từ năm 2012 cho đến năm 2017 bà H'C Byă có vay tiền của bà A nhiều lần, cộng dồn các lần vay thì bà còn nợ của bà A số tiền 287.000.000đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu đồng). Bà đã trả nợ cho bà A nhiều lần nhưng do tin tưởng nên không yêu cầu bà A viết giấy nhận tiền trả nợ. Khi trả tiền thì chỉ có một mình bà H'C và bà A, không có thêm ai khác chứng kiến.

Khoản tiền vay 570.000.000đồng là do bà A tính lãi suất từ 3.000đồng đến 5.000đồng/ngày đến ngày 19/4/2020 cộng với số tiền của giấy chốt nợ năm 2019 số tiền 287.000.000đồng. (Giấy mượn tiền 287.000.000đồng hiện nay bà A đang giữ).

Ông Y B (là con trai bà H'C Byă), chị H'T Byă (là con gái của bà H'C) có ký tên trong giấy mượn tiền ngày 19/4/2020 là do bà A yêu cầu ký chứng kiến, thực chất chỉ có một mình bà H' C Byă vay tiền của bà A. Theo đơn khởi kiện của bà A là không đúng, thực tế chỉ có một mình bà H'C vay tiền của bà A nhiều lần. Bà A có gian dối trong việc yêu cầu bị đơn ký giấy vay số tiền 570.000.000đ, nhưng không giao tiền, con bà H'C là ông Y B và chị H'T Byă cũng ký vào giấy này nhưng không vay tiền, mà chỉ làm chứng, họ xác định không có giao tiền. Do đó giấy mượn tiền được ký kết giữa các bên vi phạm điều cấm của pháp luật do có gian dối. Đề nghị Hội đồng xét xử bác một phần đơn khởi kiện của bà A.

Bị đơn bà H'C Byă chấp nhận trả cho bà A số tiền 287.000.000đồng, không còn khoản nợ nào khác, còn ông Y B không liên quan gì.

Bị đơn Anh Y B trình bày: Anh không vay tiền gì của bà A. Giấy mượn

tiền đề ngày 19/4/2020 thì anh có ký bên vay tiền nhưng trên thực tế anh không có nợ của bà A khoản tiền nào, do bà A yêu cầu anh ký vào giấy để làm tin.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu anh và mẹ anh là bà H'C Byă phải trả cho bà A số tiền nợ gốc là 570.000.000đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 08/10/2020 là 48.165.000đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 618.165.000đồng (Sáu trăm mười tám triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) thì anh không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị A. Anh xác định anh có ký vào giấy mượn tiền đề ngày 19/4/2020 nhưng anh không nhận tiền từ bà Đỗ Thị A, anh cũng không vay tiền của bà Đỗ Thị A nên anh không đồng ý trả nợ cho bà Đỗ Thị A. Việc mẹ anh H'C Byă vay tiền của bà A thì mẹ anh sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà Đỗ Thị A.

Tại đơn trình bày người làm chứng chị H'T Byă có ý kiến như sau:

Hiện nay, tôi được biết bà Đỗ Thị A đang khởi kiện bà H' C Byă Byă và Y B tại Tòa án nhân dân huyện Krông Ana. Đối với tờ giấy mượn tiền ngày 19/4/2020 có chữ ký của tôi thì tôi xác định như sau: Ngày 19/4/2020, bà A đến nhà bà H' C Byă Byă yêu cầu ký vào tờ giấy mượn tiền, sau khi ký thì bà A cầm giấy đi luôn. Các bên không có giao nhận tiền gì cả.

Tại Bản án số 19/2021/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 464, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào: khoản 1, khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Đỗ Thị A.

Buộc bà H'C Byă và ông Y B phải trả cho bà Đỗ Thị A số tiền 634.600.000^d (Sáu trăm ba mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó nợ gốc 570.000.000^d (Năm trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi 64.600.000^d (Sáu mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/7/2021 bị đơn ông Y B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk với nội dung ông không vay tiền của bà Đỗ Thị A. Đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của bà A.

Ngày 20/7/2021 bị đơn bà H'C Byă Byă kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Tăng B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; ông Phạm Công G - đại diện theo ủy quyền của bà H'C Byă giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự - không chấp nhận đơn kháng cáo của đơn ông Y B và bà H'C Byă giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bản án sơ thẩm không tuyên bác một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu không được chấp nhận và tuyên về án phí trong giai đoạn thi hành án kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là chưa phù hợp cần rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Y B , bà H'C Byă trong hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí DSPT là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa người kháng cáo ông Y B có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Y B.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bà H'C Byă Byă và ông Y B, HĐXX thấy rằng:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị A khởi kiện yêu cầu ông Y B và bà H'C Byă trả khoản nợ gốc 570.000.000đồng và lãi suất phát sinh; cùng với việc khởi kiện của mình bà Anh đã xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là “ giấy mượn tiền” đề ngày 19 tháng 4 năm 2020. Đối với chứng cứ này thì cả bị đơn ông Y B và bà H'C Byă Byă đều thừa nhận chữ ký của mình. Do đó, việc bà Anh khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ.

Quá trình tham gia tố tụng Bà H'C Byă đã xác nhận chữ ký trong giấy vay đúng là do bà ký và viết. Tuy nhiên, bà H'C Byă kháng cáo cho rằng giấy mượn

tiền ngày 19/4/2020 không hợp pháp vì bà cho rằng bà A đã sử dụng hành vi gian dối để lừa bà ký vào giấy mượn tiền nhưng không có chứng cứ để chứng minh và nguyên đơn bà Anh cũng không thừa nhận lời khai này. Hơn nữa, phía bị đơn cũng đã làm đơn tố cáo bà A. Ngày 12/8/2020 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana đã có thông báo số 400/TB-ĐTTT cho rằng đơn đề nghị khởi tố vụ án của bà H'C Byă là không có căn cứ. Vì vậy, việc bà H'C Byă kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng cáo của ông Y B cho rằng ông không vay tiền của bà Đỗ Thị A, số tiền mẹ của anh vay cũng không sử dụng vào mục đích gia đình. HĐXX thấy rằng: Ông Y B thừa nhận chữ ký chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 19/4/2020 là của ông nhưng cho rằng không vay tiền của bà A là không có cơ sở vì giấy mượn tiền thể hiện người mượn là bà H'C Byă và ông Y B, phía dưới giấy mượn tiền cả bà H'C Byă và ông Y B cùng ký vào giấy thể hiện có mượn của bà A 570.000.000đồng. Do đó, việc ông Y B kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, HĐXX thấy rằng kháng cáo của bà H'C Byă và ông Y B không có cơ sở để chấp nhận. Bản án sơ thẩm buộc bà H'C Byă và ông Y B có trách nhiệm thanh toán cho bà Đỗ Thị A tổng số tiền 634.600.000^d (*Sáu trăm ba mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng*). Trong đó nợ gốc 570.000.000^d (*Năm trăm bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi 64.600.000^d (*Sáu mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng*) là có căn cứ.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm có những sai sót nhưng không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án và cần rút kinh nghiệm là:

Trong phần nhận định của Bản án có nhận định việc không chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà A về khoản tiền lãi suất 01 tháng. Nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị A nhưng không tuyên bác phần lãi suất không được chấp nhận.

Về lãi suất trong giai đoạn thi hành án bản án sơ thẩm quyết định, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 là chưa chính xác.

Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thể hiện: “*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành*

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”. Do đó, cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại phần lãi suất thi hành án cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bà H’C Byă và ông Y B mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo kháng nghị

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà H’C Byă và ông Y B - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông ANa, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ vào các điều 464, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ khoản 1, khoản 2, Điều 26, 28 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Đỗ Thị A.

Buộc bà H’ C Byă và ông Y B phải trả cho bà Đỗ Thị A số tiền 634.600.000^d (*Sáu trăm ba mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng*). Trong đó nợ gốc 570.000.000^d (*Năm trăm bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi 64.600.000^d (*Sáu mươi tư triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà H’C Byă và ông Y B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 29.384.000^d (*Hai mươi chín triệu ba trăm tám mươi tư nghìn đồng*).

Bà Đỗ Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ tại biên lai số 0014756 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K A. Hoàn trả cho bà A số tiền tạm ứng án phí 14.063.000^d (*Mười bốn triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng*).

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H'C Byă và ông Y B mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006937 do bà H'C Byă nộp và biên lai số AA/2021/0006987 do bà H'C Byă nộp thay ông Y B cùng ngày 26/7/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K A, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện K A;
- đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Anh Tuấn